

Bản án số: 515/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Lê Thị Phước Măng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2024/QĐ-HPT ngày 01/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: 3.13 Tầng 4 chung cư Bình Phú, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Mạnh H1, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: 3.13 Tầng 4 chung cư BP, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đang chấp hành án tại Đội 24, Phân trại số 6, Trại giam Thủ Đức, Cục C10 – Bộ Công an (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Phan Mạnh H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm

2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện HN tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2006 cấp ngày 23/01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra ông H1 còn thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến vợ con trong khi kinh tế gia đình khó khăn, tuy nhiên khi đó hai bên đều tự hòa giải hàn gắn tình cảm để tiếp tục nuôi dạy con. Đến tháng 4/2019 ông H1 vi phạm pháp luật về tội cố ý gây thương tích, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 09 năm tù giam theo Bản án số 40/2020/HS-ST ngày 20/7/2020, kể từ khi ông H1 chấp hành án bà H chịu nhiều áp lực do phải một mình lo toan cho gia đình và nuôi dạy các con rất vất vả, từ đó ảnh hưởng lớn đến tâm lý. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay bà H xác định không còn tình cảm với ông H1, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Phan Mạnh H1. Về con chung: Bà H và ông H1 có với nhau 02 con chung tên Phan Trần Hùng P, sinh ngày 26/3/2007 và Phan Trần Hùng Đ, sinh ngày 14/10/2009. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên. Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà H sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung với ông H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Mạnh H1 đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức – Cục C10 – Bộ Công An theo bản án số 40/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về tội “ Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2019. Tại bản tự khai ngày 05/9/2024 có xác nhận của Trại giam Thủ Đức, ông H1 khai trong quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm sống nhưng đều tự giải quyết được. Nay ông đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà H do thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu. Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Phan Trần Hùng P, sinh ngày 26/3/2007 và Phan Trần Hùng Đ, sinh ngày 14/10/2009, hiện nay ông H đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con nên khi ly hôn ông H1 đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi, sau khi ông chấp hành án xong sẽ tính tiếp về việc nuôi con. Về tài sản chung: Ông H1 và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Phan Mạnh H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Trần Hùng P, sinh ngày 26/3/2007 và Phan Trần Hùng Đ, sinh ngày 14/10/2009 cho bà H trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên. Về tài sản chung: Bà H và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: không có; Về án phí ly hôn sơ thẩm: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Phan Mạnh H1 có hộ khẩu thường trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Phan Mạnh H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông H1 còn thường xuyên đi nhậu không quan tâm đến vợ, con. Đến năm 2019, ông H1 vi phạm pháp luật, bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” với mức hình phạt 09 năm tù giam theo bản án số 40/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ khi ông H1 chấp hành án bà H phải một mình lo toan cho gia đình và nuôi dạy các con rất vất vả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay bà H xác định không còn tình cảm với ông H1, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Phan Mạnh H1.

Phía bị đơn ông Phan Mạnh H1 trình bày hiện nay ông đang chấp hành bản án số 40/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về tội “Cố ý gây thương tích”, do thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nên ông đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bà H ông H1 đã có bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra do ông H1 có hành vi vi phạm pháp luật phải chấp hành hình phạt tù từ ngày 25/4/2019 với thời hạn 09 năm, trong thời gian này vợ chồng không thể có điều kiện quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, bà H phải vất vả làm thay phần của ông H1 trong việc lo toan gia đình và nuôi dạy các con, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 có ý kiến đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của bà H do thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông H1.

[6] Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 có với nhau 02 con chung tên Phan Trần Hùng P, sinh ngày 26/3/2007 và Phan Trần Hùng Đ, sinh ngày 14/10/2009. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con thành niên và theo nguyện vọng của trẻ Phan Trần Hùng P và trẻ Phan Trần Hùng Đ cũng mong muốn được sống cùng với mẹ. Đồng thời ông H1 có ý kiến do ông đang chấp hành án tù không có điều kiện nuôi các con nên đồng ý giao các con cho bà H trực tiếp nuôi. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông H1, giao 02 con chung tên Phan Trần Hùng P và Phan Trần Hùng Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 thuận tình ly hôn trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử nên phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Phan Mạnh H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về ôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã HC, huyện HN, tỉnh Bình Định cấp cho bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 ngày 23/01/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 có với nhau 02 con chung tên Phan Trần Hùng P, sinh ngày 26/3/2007 và Phan Trần Hùng Đ, sinh ngày 14/10/2009.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 về việc giao 02 con chung Phan Trần Hùng P và Phan Trần Hùng Đ cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H không yêu cầu ông Phan Mạnh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Mạnh H1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Trần Thị H.

Ông Phan Mạnh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Phan Mạnh H1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phan Mạnh H1.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận việc bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009655 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị H còn được nhận lại 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Phan Mạnh H1 phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H và ông Phan Mạnh H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân xã HC, huyện HN, tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phúc Trường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

